

Số: **4672**/SYT-NV
V/v phối hợp rà soát, thống kê số
lượng các đối tượng ưu tiên tiêm vắc
xin phòng COVID-19 (Lần 3).

Đồng Nai, ngày **16** tháng 6 năm 2021

KHĂN

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan báo chí đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan thuộc Bộ đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh: cơ quan Trung ương; Tập đoàn; Tổng Công ty; các đoàn ngoại giao, tổ chức quốc tế, các đơn vị tư nhân, hiệp hội...;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các cơ sở y tế ngoài công lập.

Sở Y tế đã có các Công văn số 1850/SYT-NV ngày 10/3/2021 và Công văn số 2790/SYT-NV ngày 13/4/2021 gửi Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương về việc phối hợp rà soát, thống kê số lượng từng nhóm đối tượng ưu tiên tiêm vắc xin phòng COVID-19. Tuy nhiên, sau khi tổng hợp số liệu đối tượng còn thiếu, trùng lặp nhiều và chưa được sát thực tế.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bảo tại cuộc họp ngày 11/6/2021 nghe Sở Y tế báo cáo kết quả tiêm vắc xin thời gian qua và đề xuất phương án tiêm vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

Sở Y tế kính đề nghị các cơ quan, đơn vị chưa cung cấp số liệu liên quan hoặc đã cung cấp số liệu nhưng còn thiếu, trùng lặp,... phối hợp rà soát lại theo bảng tổng hợp số liệu gần nhất của Sở Y tế, cập nhật chính xác **toàn bộ số lượng** các đối tượng ưu tiên tiêm vắc xin phòng COVID-19 đang quản lý hoặc các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, gửi về Sở Y tế để Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND tỉnh đúng thời gian quy định. Đồng thời, cung cấp thông tin của cán bộ đầu mối tổng hợp để Sở Y tế liên hệ trao đổi về số liệu tổng hợp khi cần thiết.

Bảng thông kê số lượng của các cơ quan, đơn vị xin gửi về Sở Y tế (qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai tổng hợp, số điện thoại: 02513.890.558, email: tcmr.dongnai@gmail.com) **trước ngày 19/6/2021**.

Sở Y tế đính kèm Bảng tổng hợp cập nhật số lượng các đối tượng ưu tiên tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phân theo huyện thành) và Bảng tổng hợp số lượng đăng ký mua và cam kết sử dụng vắc xin phòng COVID-19 của tỉnh Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- TTKSBT tỉnh (tổng hợp);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.



GIÁM ĐỐC

Phan Huy Anh Vũ

**BẢNG TỔNG HỢP CẬP NHẬT SỐ LƯỢNG CÁC ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI (PHÂN THEO HUYỆN THÀNH)**



Nhóm	Đối tượng ưu tiên	Số đối tượng dự kiến theo huyện, thành phố											
		Biên Hòa	Xuân Lộc	Long Thành	Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Trảng Bom	Định Quán	Vĩnh Cửu	Tân Phú	Long Khánh	Nhon Trạch	Toàn tỉnh
1	Lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch, gồm:	14.614	4.785	5.794	2.037	1.886	1.496	3.015	2.989	2.639	4.042	1.404	44.701
	* Người làm việc trong các cơ sở y tế	6.555	974	676	490	381	698	626	535	374	1.175	332	12.816
	* Nhân viên tham gia phòng chống dịch	8.059	3.811	5.118	1.547	1.505	798	2.389	2.454	2.265	2.867	1.072	31.885
	- Thành viên Ban chỉ đạo	267	232	244	273	863	0	307	285	296	323	108	3.198
	- Người làm việc ở khu cách ly	91	1	0	0	9	0		8	0	33	22	164
	- Người làm nhiệm vụ truy vết, điều tra dịch tễ	30	241	0	13	0	0	176	26	95	91	34	706
	- Tổ Covid cộng đồng	5.662	2.940	3.594	664	99	0	1.478	1.736	1.156	1.842	841	20.012
	- Phóng viên	6	0	0	11	3	0	10	2	7	0		39
	- Quân đội	458	186	711	205	250	0	57	192	248	291	47	2.645
- Công an	1.545	211	569	381	281	798	361	205	463	287	20	5.121	
2	Nhân viên, cán bộ ngoại giao của Việt Nam được cử đi nước ngoài; hải quan, cán bộ làm công tác		0	0	0		0		0		0	0	0
3	Người cung cấp dịch vụ thiết yếu	56.052	215	37	0	0	328	0	646	230	581	0	58.089
	- Hàng không		0	0	0		0			89			89
	- Vận tải	52.052	50	26			0		167	12	262		52.569
	- Du lịch	4.000	150	0			150			14	0		4.314
	- Cung cấp dịch vụ điện, nước.....		15	11			178		479	115	319		1.117
4	- Giáo viên, người làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo;	11.112	3.673	3.245	2.537	2.249	4.015	3.451	1.897	2.917	2.543	2.579	40.218
	- Người làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính thường xuyên tiếp xúc với nhiều người	7.443	562	455	375	19	687		633	652	624	595	12.045
5	- Người mắc bệnh mãn tính	306	1.407		3.383	7.035	60.879		1.969	3.621	5.382	3.752	87.734
	- Người mắc bệnh mãn tính > 65 tuổi (Không tiêm)	9.916	1.850	3.163							0		14.929
	- Người trên 65 tuổi (Không tiêm)	13.723	16.606	12.967	9.553	12.925	14.000		11.331	10.237	11.890	7.514	120.746

Nhóm	Đối tượng ưu tiên	Số đối tượng dự kiến theo huyện, thành phố											
		Biên Hòa	Xuân Lộc	Long Thành	Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Trảng Bom	Định Quán	Vĩnh Cửu	Tân Phú	Long Khánh	Nhon Trạch	Toàn tỉnh
6	Người sinh sống tại các vùng có dịch		0		0	0	0		0	0	0	0	0
7	Người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội	29.609	7.542	5.933	606	6.136	9.323	21.794	6.951	8.044	11.652	5.740	113.330
8	Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài		555		0					0	0		555
9	Các đối tượng khác do Bộ Y tế quyết định căn cứ nhu cầu phòng, chống dịch		0		0					0	0		0
TỔNG CỘNG		142.775	37.195	31.594	18.491	30.250	90.728	28.260	26.416	28.340	36.714	21.584	492.347

Chú ý:

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương **không** tính người dưới 18 tuổi và người trên 65 tuổi (chỉ tiêm cho các đối tượng từ đủ 18 tuổi đến đủ 65 tuổi).
- Để tránh trùng lặp, cần rà soát kỹ các đối tượng là người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội, người mắc bệnh mãn tính,... (đã trừ người dưới 18 tuổi và người trên 65 tuổi) đã thống kê ở các mục trên.
- Số lượng thống kê đối tượng ưu tiên cần phân chia theo các cơ quan, đơn vị có trụ sở, cơ sở đóng trên địa bàn các huyện, thành phố (Ví dụ: Chi cục thuế huyện Trảng Bom tổng hợp theo UBND huyện Trảng Bom, Cục thuế tỉnh Đồng Nai không tổng hợp vào số liệu).



**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ MUA VÀ CAM KẾT SỬ DỤNG
VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Đối tượng tiêm vắc xin	Tổng số lượng (người)	Trong đó		Ghi chú
			Số đối tượng do các cơ quan trung ương quản lý	Số đối tượng do địa phương quản lý	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	
Đối tượng ưu tiên tiêm và miễn phí (khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 21/NQ-CP của Chính phủ)					
1.	Lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch	45.501	800	44.701	
1.1.	Người làm việc trong các cơ sở y tế	13.616	800	12.816	
1.2.	Người tham gia phòng chống dịch				
-	Thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch các cấp	3.198	-	3.198	
-	Người làm việc ở các khu cách ly	164	-	164	
-	Người làm nhiệm vụ truy vết, điều tra dịch tễ	706	-	706	
-	Tổ COVID-19 dựa vào cộng đồng	20.012	-	20.012	
-	Tình nguyện viên	0	-	0	
-	Phóng viên	39	-	39	
-	Quân đội	2.645	-	2.645	
-	Công an	5.121	-	5.121	
2	Đối tượng ngoại giao, hải quan, xuất nhập cảnh	0	-	0	
2.1.	Nhân viên, cán bộ ngoại giao của Việt Nam được cử đi nước ngoài	0	-	0	
2.2.	Người thân của cán bộ ngoại giao chuẩn bị đi công tác nhiệm kỳ	0	-	0	
2.3.	Hải quan, cán bộ làm công tác xuất nhập cảnh	0	-	0	
2.4.	Cán bộ trực tiếp tham gia đón các đoàn khách của Chính phủ và đón người Việt Nam từ nước ngoài về	0	-	0	
2.5.	Đoàn Ngoại giao và các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.	0	-	0	
3.	Người cung cấp dịch vụ thiết yếu	58.089	0	58.089	
3.1.	Hàng không	89	-	89	
3.2.	Vận tải	52.569	-	52.569	
3.3.	Du lịch	4.314	-	4.314	
3.4.	Dịch vụ điện	1.117	-	1.117	
3.5.	Dịch vụ nước	0	-	0	
	...	0	-		
4		52.277	0	52.277	
4.1.	Giáo viên, người làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo	40.218	-	40.218	

STT	Đối tượng tiêm vắc xin	Tổng số lượng (người)	Trong đó		Ghi chú
			Số đối tượng do các cơ quan trung ương quản lý	Số đối tượng do địa phương quản lý	
4.2.	Người làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính thường xuyên tiếp xúc với nhiều người	12.059	-	12.059	
5		169.475	0	169.475	
5.1.	Người mắc các bệnh mạn tính	102.663	-	102.663	
5.2.	Người trên 65 tuổi	66.812	-	66.812	
6.	Người sinh sống tại các vùng có dịch	0	-	0	
7		77.298	0	77.298	
7.1.	Người nghèo	3.347	-	3.347	
7.2.	Các đối tượng chính sách xã hội	73.951	-	73.951	
8.	Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài	555	-	555	
	Cộng	403.195	800	402.395	